

Kính gửi Ông: Nguyễn Văn Giới

Tôi tên: Nguyễn Ngọc Kheng xin gửi ông tập hồ sơ này nhờ ông
chuyển lên bà Khôi明珠 ~~cho~~ giữ gìn tôi. Tôi thành thật cảm ơn ông
kính tên



Nguyễn Ngọc Kheng

FROM: Nguyễn Ngọc Khang
Số 13 Lê Lợi Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh

JAN 16 1990

R

NO 59



TO: Ông: Nguyễn Văn Giỏi
PO. BOX 5485 ARLINGTON V.A
22205 - 0635 - USA

Hog = 23310

PAR AVION VIA AIR MAIL





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN NGỌC KHANG
Last Middle First

Current Address: 136/8 Street Quarter 4 Quận Bình Thạnh City

Date of Birth: 10-7-1929 Place of Birth: Hà Nội

Previous Occupation (before 1975) Thượng Sĩ AN NINH QUÂN ĐỘI MACV
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20/8/1975 To 17/5/1979
Years: 3 Months: 9 Days: 27
(12 tháng 9 ngày)

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN NGỌC KHANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ NÔI	15-6-1940	Vợ
NGUYỄN NGỌC THUNG	24-5-1972	con
NGUYỄN NGỌC DŨNG	5-11-1973	con
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	20-3-1975	con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN NGỌC KHANG
Last Middle First

Current Address: 136b Street Quarter 4 go vep District Ho Chi Minh City

Date of Birth: 10-7-1929 Place of Birth: Ha Noi

Previous Occupation (before 1975) phuong hien binh Quan doi MACV
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20-8-1975 To 17-5-1979
Years: 3 Months: 9 Days: 27
1 (12 tháng quân chức)

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN NGỌC KHANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ NGÂN	15-6-1940	VỢ
NGUYỄN NGỌC TÙNG	24-5-1982	CON
NGUYỄN NGỌC DŨNG	5-11-1983	CON
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	29-3-1985	CON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 4 tháng 1 năm 1990

Kính thưa Bà Chủ tịch: Khuê Minh Bính

Tôi tên: Nguyễn Ngọc Khang Sinh 7 - 10 - 1929 tại Hà Nội

Cấp bậc: Thượng sĩ - Số quân: 49/118017 KBC: 3453

Chiến sự: Ban bảo vệ cơ sở MACV thuộc Phòng An ninh Quốc gia từ 1959 tôi được điều về Phòng An ninh Quốc gia MACV để bảo vệ cơ sở cũ và trở lại dinh thống lãnh hoa kỳ tại Sài Gòn và bảo vệ các yêu cầu hoa kỳ và trở lại dinh của tôi thông tin - ga - thông tin - kin - thông tin - set - no - len cho đến ngày Sài Gòn bị thất thủ. Tôi bị bắt đi học tập tại trại giam 4 năm thì được thả về địa phương rồi bị quản lý và bị quản lý 1 năm trên giấy tờ nhưng tôi đã bị quản lý 5 năm tại địa phương. Hiện nay nhà nước Việt Nam cho tôi được tăng ký lương cơ sở đi định cư tại Hoa Kỳ và tôi đã gửi đơn qua hai lần nhưng hiện nay hoàn cảnh của tôi không có thân nhân nào ở Hoa Kỳ và các nước khác nên không có người bảo lãnh giúp đỡ tôi đi định cư nay tôi biên tập này xin Bà giúp đỡ hoàn cảnh của tôi và gia đình được đi định cư tại Hoa Kỳ. Tôi kính mong Bà hết lòng giúp đỡ cho hoàn cảnh khó khăn của tôi.

Trong khi chờ đợi Bà giúp đỡ về Bà tôi và gia đình muốn xin viết ơn Bà

Địa chỉ hiện nay của tôi: Số 13 Đường Lê Lợi Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh

Gõ Vết ngày 4 tháng 01 năm 1990


Nguyễn Ngọc Khang

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN NGỌC KHANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 7 10 1929 HÀ NỘI
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Co
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 13 Le Loi Street Quarter 4 Do Xep District
(Dia chi tai Viet-Nam) Hue City
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 20/8/1975 To (Den): 12/5/1979
PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN HIỆP - PHÚ QUỐC - LONG GIÀO - LƯU LÔNG - TÂN HIỆP
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): THƯỢNG SĨ AN NINH QUÂN ĐỘI MẠC
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Co (25/8/1989)
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4 người (vợ & 3 con)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 13 Le Loi Street Quarter 4 Do Xep District Hue City
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguci Bao tro): _____
U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____
NAME & SIGNATURE: NGUYỄN NGỌC KHANG - 13 Le Loi Street Quarter 4 Do Xep District
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Hue City
DATE: 12 27 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN NGỌC KHANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THUỖ NỐI	15-6-1940	Vợ
NGUYỄN NGỌC TÙNG	26-5-1972	Con
NGUYỄN NGỌC DŨNG	5-11-1973	Con
NGUYỄN THUỖ NGỌC LAN	29-3-1975	Con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN NGỌC KHANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 7 10 1989 HÀ NỘI
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Có
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 13 Lê Lợi Street Quarter 4 Gò Vấp District Hồ Chí Minh City
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 20/8/1975 To (Den): 17/5/1979
PLACE OF RE-EDUCATION: Tân Hiệp - Lữ Đoàn - Long Giao - Phố Long - Tân Hiệp
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thượng Sĩ An Ninh Quân Đội MẠCV
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có (25/8/1989)
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4 NGƯỜI (Vợ và 3 con)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 13 Lê Lợi Street Quarter 4 Gò Vấp
District Hồ Chí Minh City
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro): _____
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____
NAME & SIGNATURE: NGUYỄN NGỌC KHANG - 13 Lê Lợi Street Quarter 4 Gò Vấp District
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Hồ Chí Minh City
DATE: 12 27 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN NGỌC KHANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ NÔI	15-6-1940	VỢ
NGUYỄN NGỌC TÙNG	24-5-1982	CON
NGUYỄN NGỌC DŨNG	5-11-1983	CON
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	20-8-1985	CON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trại Cải tạo tân hiệp.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565, ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số 66 CRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 20 ngày 27 tháng 11 năm 1979

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN NGỌC KHANG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1929

Nơi sinh

HÀ NỘI

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 13 Lê Lợi gò vấp gia đình.

Can tội nhân viên ban văn kho.

Bị bắt ngày 20-8-1975

Án phạt Tập trung cải tạo

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 13 Lê Lợi gò vấp TP. HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Cho về đơn trú ở địa chỉ trên 01 (một) tháng phải đi xây dựng vùng kinh tế mới do địa phương giải quyết)
(Quản chế tại địa phương 12 tháng)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của NGUYỄN NGỌC KHANG

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Nguyễn Ngọc Khang

Ngày 17 tháng 5 năm 1979

Giám thị



TRƯỞNG TẾ : NGUYỄN LƯƠNG

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565, ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Cải tạo Tân Hiệp.

Số 66 GRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 20 ngày 27 tháng 1 năm 1979

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN NGỌC KHANG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1929

Nơi sinh HÀ NỘI

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 13 lộ lợi gò vấp địa định.

Cán tội nhân viên ban văn kho

Bị bắt ngày 20-8-1975

Án phạt Tập trung cải tạo

Theo quyết định, án văn số 14 ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 13 lộ lợi gò vấp TP. HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Cho về đơn trú ở địa chỉ trên 01 (một) tháng phải đi xây dựng vùng kinh tế mới do địa phương giải quyết)
(Quản chế tại địa phương 12 tháng)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của NGUYỄN NGỌC KHANG

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

NGUYỄN NGỌC KHANG

Ngày 17 tháng 5 năm 1979

Giám thị



Trung tá : ĐÀO LƯƠNG

QD- 7 5 0

CHỨNG - CHỈ TẠ I - NG Ữ

-----*****-----

YT/12/68/MSS/MACV

VIỆT NAM CONG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN LỰC VNCH
TỔNG CỤC CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ
CỤC AN-NINH QUÂN-ĐỘI

-----***-----
SỐ 3 AN-NINH QUÂN-ĐỘI
KHU AN-NINH QUÂN-ĐỘI/BKTD
PHÒNG AN-NINH QUÂN-ĐỘI/MACV

SỐ: 3480 /ANQD/MACV/YT/NV

 H Ứ N G - N H Ậ N

Họ và tên : NGUYỄN-NGOC-KHANG
Cấp bậc : Thượng sĩ - Số quân 49/118.017
Ngày và nơi sinh : 07-10-1929 tại HÀ NỘI
Tên CHA, ME : NGUYỄN NGOC KHUYEN và TRẦN THỊ THANH
Ngày nhập ngũ : 1956
Thời gian gián đoạn công vụ : Không
Hiện đang tại ngũ và phục vụ tại: Phòng An Ninh Quân-Đội/MACV

LÝ DO CẤP PHÁT : Lập TO KHAI GIA-ĐÌNH.

SAO-ĐỀ:

-HỒ-SỐ.

-LƯU-CHIẾU.

KBC.3453, ngày 15 tháng 09 năm 1970

~~Thiếu tá~~ NGUYỄN-XUÂN-THỂ

Trưởng Phòng An-Ninh Quân-Đội/MACV



Đại-Úy LƯU-VĂN-CHƯƠNG
Sĩ-QUÂN Phụ-Tá

QD- 7 5 0

CHỨNG - CHỈ TÀI - NGŨ

-----*****-----

YT/12/68/MSS/MACV

VIỆT NAM CÔNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QUAN LỰC VNCH
TỔNG CỤC CHIẾN-TRANH CHÍNH TRỊ
CỤC AN-NINH QUÂN-ĐỘI

-----***-----

SỐ 3 AN-NINH QUÂN ĐỘI
KHU AN-NINH QUÂN ĐỘI/BKTD
PHÒNG AN-NINH QUÂN-ĐỘI/MACV

SỐ: 3480 /ANQD/MACV/YT/NV

H Ứ N G - N H Ậ N

Họ và tên : NGUYỄN-NGỌC-KHANG
Cấp bậc : Thượng sĩ - Số quân 49/118.017
Ngày và nơi sinh : 07-10-1929 tại HÀ NỘI
Tên CHA, ME : NGUYỄN NGỌC KHUYẾN và TRẦN THỊ THANH
Ngày nhập ngũ : 1956
Thời gian gián đoạn công vụ : Không
Hiện đang tại ngũ và phục vụ tại: Phòng An Ninh Quân-Đội/MACV

LÝ DO CẤP PHÁT : Lập TO KHAI GIA-DÌNH.

SAO-ĐỀ:

-HỒ-SỎ.
-LƯU-CHIEU.

KBC.3453, ngày 15 tháng 09 năm 1970

~~Thiếu tá~~ NGUYỄN-XUÂN-THỂ
Trưởng Phòng An-Ninh Quân-Đội/MACV



Lưu-Văn-Chương
Sĩ-Quan Phụ-Tá

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter _____ 4/14/90